

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
sử dụng ngân sách nhà nước cho 20 nghề trình độ sơ cấp, đào tạo
dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-
CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật giá.*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo
trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28
tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và
đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào
tạo dưới 03 tháng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự
nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước cho 20 nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum để làm cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 5 Luật giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp và cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới ba tháng; người được đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan tham mưu, giúp quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kon Tum, Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh Kon Tum;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.KGVX.NTMD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC

**Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
sử dụng ngân sách nhà nước cho 20 nghề trình độ sơ cấp, đào tạo
dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 45 /2023/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Trình độ đào tạo | Thời gian đào tạo (giờ) | Đơn giá đào tạo (đồng) |
|-----------|---|-----------------------------|--|---------------------------------------|
| 1 | Cốt thép - Hàn | Sơ cấp bậc 1 | 430 | 3.680.000 |
| 2 | Nề - Hoàn thiện | Sơ cấp bậc 1 | 390 | 3.330.000 |
| 3 | Vận hành máy nông nghiệp - Vận hành, sửa chữa máy nông nghiệp | Sơ cấp bậc 1 | 380 | 3.680.000 |
| 4 | Lâm sinh - Trồng và chăm sóc dồi | Dưới 3 tháng | 226 | 2.470.000 |
| 5 | Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng | Dưới 3 tháng | 220 | 2.690.000 |
| 6 | Chăn nuôi - Thú y - Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | Dưới 3 tháng | 220 | 2.180.000 |
| 7 | Trồng cây công nghiệp - Trồng và chăm sóc cây cà phê | Dưới 3 tháng | 220 | 2.900.000 |
| 8 | Chăn nuôi - Nuôi và chăm sóc lợn rừng lai | Dưới 3 tháng | 220 | 2.260.000 |
| 9 | Chăn nuôi – Thú y - Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò | Dưới 3 tháng | 220 | 2.150.000 |
| 10 | Lâm sinh - Trồng keo, bạch đàn, thông làm nguyên liệu giấy | Dưới 3 tháng | 140 | 2.150.000 |
| 11 | Trồng cây lương thực, thực phẩm - Trồng nấm sò | Dưới 3 tháng | 140 | 2.030.000 |
| 12 | Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây mắc ca | Dưới 3 tháng | 120 | 1.590.000 |
| 13 | Kỹ thuật cây cao su - Cạo mủ cao su | Dưới 3 tháng | 120 | 1.730.000 |
| 14 | Vận hành máy nông nghiệp - Vận hành máy kéo nông | Dưới 3 tháng | 120 | 1.580.000 |

| | | | | |
|----|--|--------------|-----|-----------|
| | nghiệp | | | |
| 15 | Lâm sinh - Trồng và chăm sóc dược liệu bằng phương pháp hữu cơ | Dưới 3 tháng | 116 | 1.380.000 |
| 16 | Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sâm dây | Dưới 3 tháng | 116 | 1.400.000 |
| 17 | Trồng cây công nghiệp -Trồng, chăm sóc cây tiêu | Dưới 3 tháng | 114 | 1.520.000 |
| 18 | Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sơn tra | Dưới 3 tháng | 110 | 1.850.000 |
| 19 | Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sâm Ngọc Linh | Dưới 3 tháng | 107 | 1.330.000 |
| 20 | Trồng trọt và bảo vệ thực vật - Quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật | Dưới 3 tháng | 104 | 1.590.000 |